

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch kiểm tra thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện; rà soát, sắp xếp các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện gắn với thực hiện tinh giản biên chế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 26-KH/TU ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”;

Căn cứ Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 35-KH/TU ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 313/TTr-SNV ngày 03 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; rà soát, sắp xếp các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện gắn với thực hiện tinh giản biên chế.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả kiểm tra theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K12.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện; rà soát, sắp xếp tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện gắn với thực hiện tinh giản biên chế
(Kèm theo Kế hoạch ban hành theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ SẮP XẾP, KIẾN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY

1. Công tác phổ biến, quán triệt thực hiện Đề án, Phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế các phòng chuyên môn, nghiệp vụ tại cơ quan, đơn vị và việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Kết quả thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy

a) *Tổ chức hành chính*

- Số lượng phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục và tổ chức tương đương thuộc sở, ban, ngành:

+ Tại thời điểm ngày 30/12/2016 có...tổ chức thuộc sở (gồm:...phòng,...chi cục, ban).

+ Tại thời điểm ngày 31/5/2020 có. ..tổ chức thuộc sở (gồm:... phòng,...chi cục, ban).

- Số lượng phòng thuộc chi cục, ban thuộc sở, ban, ngành:

+ Tại thời điểm ngày 30/12/2016 cóphòng.

+ Tại thời điểm ngày 31/5/2020 cóphòng.

Kết quả, đã giảm tổ chức (... phòng chuyên môn thuộc Sở,.... Chi cục trực thuộc Sở, ... phòng thuộc Chi cục và tương đương); lãnh đạo ban, chi cục giảmngười (.... cấp trưởng, ... cấp phó); giảm trưởng, phó phòng thuộc sở (.... trưởng phòng, phó phòng), giảm trưởng, phó phòng thuộc chi cục/ban thuộc Sở (..... trưởng phòng, phó phòng)

b) *Đơn vị sự nghiệp công lập*

- Tổng hợp số lượng đơn vị sự nghiệp công lập chi tiết theo mức tự chủ về tài chính, vị trí pháp lý của đơn vị sự nghiệp công lập và theo ngành, lĩnh vực sự nghiệp tại 02 thời điểm: Ngày 30/12/2016 và ngày 31/5/2020. Trong đó:

+ Theo mức tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: (1) Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên; (2) đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; (3) đơn vị sự nghiệp công

lập tự bảo đảm chi thường xuyên và (4) đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

+ Theo vị trí pháp lý của đơn vị sự nghiệp công lập: (1) Thuộc sở, ban, ngành; (2) thuộc UBND cấp huyện; (3) thuộc chi cục, ban thuộc sở, ban, ngành.

+ Theo ngành, lĩnh vực: (1) Giáo dục và đào tạo; (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hóa, thể dục, thể thao; (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

Kết quả giảm đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở, ban ngành (kể cả đơn vị sự nghiệp trực thuộc các Chi cục) và đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện.

3. Việc sắp xếp các ban chỉ đạo, tổ chức phối hợp liên ngành: Các Sở, ban ngành báo cáo công tác sắp xếp các ban chỉ đạo, tổ chức phối hợp liên ngành do sở, ban, ngành làm cơ quan thường trực theo Quyết định số 4649/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh; UBND cấp huyện báo cáo phương án sắp xếp các Ban Chỉ đạo, tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định.

4. Công tác rà soát sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp, phân quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn giữa UBND tỉnh với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện; giữa UBND cấp huyện với các phòng chuyên môn và UBND cấp xã.

5. Công tác rà soát sửa đổi, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức trực thuộc sau khi thực hiện việc sắp xếp.

6. Kết quả triển khai xây dựng vị trí việc làm đối với công chức và viên chức đối với các đơn vị trực thuộc; kết quả phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo Quyết định số 3373/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 19/9/2019.

7. Việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác công chức chuyên môn; luân chuyển công chức lãnh đạo, quản lý cấp phòng theo quy định.

II. VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

1. Biên chế công chức, biên chế viên chức và hợp đồng lao động

- Số công chức có mặt tại thời điểm 31/5/2020 là ... người; số biên chế công chức chưa sử dụng là ... biên chế (so với biên chế được giao năm 2020).

- Số viên chức có mặt tại thời điểm 31/5/2020 là ... người; số biên chế viên chức chưa sử dụng là..... biên chế (so với biên chế được giao năm 2020)..

- Số hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP có mặt tại thời điểm 31/5/2020 là ... người; số hợp đồng lao động chưa sử dụng là hợp đồng (so với Hợp đồng lao động được giao năm 2020).

- Số công chức, viên chức đang làm việc tại Phòng Giáo dục và Đào tạo và đề xuất hướng sắp xếp, bố trí theo danh mục vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Đánh giá việc rà soát, sắp xếp, tinh giản biên chế đối với các chức danh kế toán, y tế học đường tại các trường mầm non, phổ thông và các chức danh lái xe,

bảo vệ, nhân viên phục vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Kết quả rà soát, thực hiện việc sắp xếp, điều chuyển hợp lý biên chế công chức, xây dựng kế hoạch giảm dần biên chế sự nghiệp đang làm việc tại phòng giáo dục và đào tạo theo quy định về quản lý, sử dụng biên chế, Kết luận của Thanh tra Bộ Nội vụ và Kiểm toán Nhà nước.

4. Về tinh giản biên chế

a) Tổng hợp kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của tỉnh từ năm 2015 đến nay.

- Từ năm 2015 đến 31/5/2019: Thực hiện tinh giản biên chế (công chức:biên chế, viên chức: biên chế. Trong đó:

+ Thực hiện giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ được người (Công chức: người, Viên chức: người);

+ Số lượng người nghỉ hưu đúng tuổi và thôi việc ngay theo quy định của pháp luật và chuyển đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ hoàn toàn về tài chính: người (công chức: người, viên chức: người).

b) Việc thực hiện đánh giá, phân loại viên chức hằng năm theo quy định hiện hành để đưa ra khỏi đội ngũ những người có 02 năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ.

c) Việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ, bố trí, sử dụng hợp lý, hiệu quả đội ngũ viên chức; đào tạo lại hoặc giải quyết chế độ, chính sách đối với viên chức và người lao động dôi dư do sáp nhập, giải thể hoặc chuyển thành đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

KẾ HOẠCH

Kiểm tra thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện; rà soát, sắp xếp tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện gắn với thực hiện tinh giản biên chế

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị, địa phương) trong việc triển khai thực hiện và các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình về sắp xếp, kiện toàn tinh gọn đầu mối bên trong, giảm cơ bản số lượng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các chi cục quản lý nhà nước trực thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương theo kế hoạch của UBND tỉnh.

b) Thông qua kiểm tra để nắm bắt tình hình triển khai thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bên trong gắn với thực hiện tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Đề án đã được UBND phê duyệt; kịp thời biểu dương, khen thưởng những tổ chức, cá nhân chủ động, sáng tạo, thực hiện có hiệu quả kế hoạch; đồng thời, chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; đề xuất giải pháp nhằm tháo gỡ, khắc phục những tồn tại, hạn chế (nếu có).

2. Yêu cầu

a) Nội dung kiểm tra phải bám sát các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong, gắn với công tác tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo các Kế hoạch của UBND tỉnh.

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc chấp hành các yêu cầu của Đoàn kiểm tra liên quan đến hoạt động kiểm tra; chuẩn bị đầy đủ, chu đáo hồ sơ, tài liệu phục vụ làm việc; phân công cán bộ, công chức, viên chức để tham gia phối hợp làm việc với Đoàn kiểm tra.

c) Kết quả kiểm tra phải nêu rõ những ưu điểm, tồn tại và hạn chế cần khắc phục; kịp thời đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền chỉ đạo, xử lý kết quả qua kiểm tra những vấn đề có liên quan theo quy định.

II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

1. Nội dung kiểm tra

a) *Kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh, tập trung đánh giá kết quả thực hiện các nội dung chủ yếu sau đây:*

- Công tác phổ biến, quán triệt và kết quả thực hiện Đề án, Phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế các phòng chuyên môn, nghiệp vụ tại cơ quan, đơn vị theo nội dung được UBND tỉnh phê duyệt.

- Công tác rà soát sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp, phân quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn giữa UBND tỉnh với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện (các sở, ban, ngành thực hiện).

- Công tác rà soát sửa đổi, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức trực thuộc sau khi thực hiện việc sắp xếp;

- Công tác xây dựng phương án, đề án sắp xếp các ban chỉ đạo, tổ chức phối hợp liên ngành do sở, ban, ngành làm cơ quan thường trực theo phương án sắp xếp theo Quyết định số 4649/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh (các sở, ban, ngành thực hiện).

- Công tác sắp xếp, bố trí công chức theo vị trí việc làm, bảo đảm các tiêu chuẩn chức danh, ngạch công chức và bố trí cấp phó đúng số lượng, phù hợp với phòng chuyên môn theo quy định.

- Việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác công chức chuyên môn; luân chuyển công chức lãnh đạo, quản lý cấp phòng theo quy định.

b) *Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh, cụ thể:*

- Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo Kế hoạch.

- Công tác quản lý biên chế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

- + Việc rà soát, điều chỉnh kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021, đảm bảo đến năm 2021 đạt tỷ lệ tối thiểu giảm 10% theo quy định.

- + Việc rà soát, sắp xếp, tinh giản biên chế đối với các chức danh kế toán, y tế học đường tại các trường mầm non, phổ thông và các chức danh lái xe, bảo vệ, nhân viên phục vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

- + Việc thực hiện đánh giá, phân loại viên chức hằng năm theo quy định hiện hành để đưa ra khỏi đội ngũ những người có 02 năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ.

- + Việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ, bố trí, sử dụng hợp lý, hiệu quả đội ngũ viên chức; đào tạo lại hoặc giải quyết chế độ, chính sách đối với viên chức và người lao động dôi dư do sáp nhập, giải thể hoặc chuyển thành đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.

c) Kết quả triển khai xây dựng vị trí việc làm đối với công chức và viên chức đối với các đơn vị trực thuộc; kết quả phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo Quyết định số 3373/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh.

d) Kết quả rà soát, thực hiện việc sắp xếp, điều chuyển hợp lý biên chế công chức, xây dựng kế hoạch giảm dần biên chế sự nghiệp đang làm việc tại phòng giáo dục và đào tạo theo quy định về quản lý, sử dụng biên chế, Kết luận của Thanh tra Bộ Nội vụ và Kiểm toán Nhà nước.

đ) Những khó khăn, vướng mắc và đề xuất trong việc sắp xếp, kiện toàn bộ máy gắn với tinh giản biên chế của cơ quan.

2. Phương pháp kiểm tra

a) *Xây dựng báo cáo*: Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tự kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong cơ quan, đơn vị, địa phương và các nội dung có liên quan theo quy định tại Khoản 1, Mục II của Kế hoạch này và các biểu mẫu kèm theo, gửi về Sở Nội vụ **trước ngày 20 tháng 6 năm 2020**.

b) Phương pháp làm việc:

- Đoàn kiểm tra tổ chức làm việc với một số đơn vị trực thuộc của cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra (do Đoàn kiểm tra lựa chọn, thông báo cho cơ quan, đơn vị, địa phương).

- Đoàn kiểm tra nghe đại diện cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong cơ quan, đơn vị, địa phương và các nội dung có liên quan của cơ quan, đơn vị, địa phương mình; kiểm tra, xác minh các văn bản và một số vấn đề liên quan.

- Các thành viên tham dự trao đổi, thảo luận những vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

- Trưởng đoàn kiểm tra kết luận một số nội dung và thống nhất ký biên bản làm việc.

III. THÀNH PHẦN LÀM VIỆC VÀ THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Thành phần làm việc

a) *Đoàn kiểm tra*:

- Trưởng đoàn: Lãnh đạo Sở Nội vụ.

- Thành viên tham gia Đoàn kiểm tra là công chức của Sở Nội vụ.

b) *Cơ quan, đơn vị, địa phương*:

- Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Thành viên tham gia: Lãnh đạo và công chức làm công tác tổ chức cán bộ và các bộ phận có liên quan.

2. Thời gian kiểm tra: Dự kiến từ 20 tháng 6 năm 2020 đến 31 tháng 7 năm 2020 (*Đoàn kiểm tra có văn bản gửi đến các cơ quan, đơn vị, địa phương về lịch kiểm tra cụ thể*).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

b) Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra; xây dựng lịch kiểm tra và tổ chức thực hiện; thông báo thời gian kiểm tra cụ thể đến các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng kiểm tra;

c) Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra; tham mưu đề xuất UBND tỉnh ban hành văn bản chấn chỉnh sau kiểm tra, khắc phục kịp thời những hạn chế, tồn tại về công tác tổ chức bộ máy, quản lý biên chế công chức, viên chức và tình hình thực hiện tinh giản biên chế xem xét, giải quyết những vướng mắc;

2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Căn cứ nội dung Kế hoạch này, tổ chức tự kiểm tra theo nội dung kiểm tra tại Mục II và biểu mẫu kèm theo Kế hoạch này và gửi về Đoàn kiểm tra (qua Sở Nội vụ) theo đúng thời gian quy định tại Kế hoạch này.

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc đối tượng kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị chu đáo, đầy đủ các báo cáo, tài liệu theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra; phân công cán bộ, công chức, viên chức chuyên môn tham gia Đoàn kiểm tra đảm bảo đúng thành phần theo quy định; hỗ trợ và phối hợp với cơ quan chủ trì thực hiện tốt Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bên trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện; rà soát, kiện toàn các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện gắn với thực hiện tinh giản biên chế; yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc quán triệt, triển khai thực hiện./.

TÊN ĐƠN VỊ
(Sở/ban/ngành;
UBND cấp huyện)

Phụ lục I
TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

STT	Tên gọi tổ chức	Số lượng cơ quan, tổ chức hành chính thời điểm ngày 30/12/2016	Số lượng cơ quan, tổ chức hành chính thời điểm ngày 31/5/2020	Tăng (+), giảm (-) giữa thời điểm 31/5/2020 so với năm 30/12/2016	Lý do tăng/giảm tổ chức hành chính
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5 = 4-3</i>	<i>6</i>
I	Sở/Ban/ngành				
<i>1</i>	Phòng chuyên môn trực thuộc				
	Văn phòng				
	Thanh Tra				
	Phòng ...				
<i>2</i>	Chi cục/ban trực thuộc				
	Phòng..				
	Đơn vị trực thuộc				
II	Cấp huyện				
	Văn phòng				
	Thanh Tra				
	Phòng ...				

TÊN ĐƠN VỊ
(Số/ban/ngành;
UBND cấp huyện)

Phụ lục II
TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

STT	Tên gọi đơn vị sự nghiệp công lập	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập thời điểm ngày 30/12/2016	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập thời điểm ngày 31/5/2020	Tăng (+), giảm (-) giữa thời điểm 31/5/2020 và 30/12/2016	Lý do tăng, giảm đơn vị sự nghiệp
1	2	3	4	5=4-3	6
	TỔNG CỘNG				
1	Đơn vị sự nghiệp công lập do NN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên				
1,1	Lĩnh vực giáo dục đào tạo, nghề nghiệp				
	Trường A				
	⋮				
1,2	Lĩnh vực khoa học và công nghệ				
	Đơn vị A				
	⋮				
1,3	Lĩnh vực Y tế				
	Đơn vị A				
	⋮				
1,4	Lĩnh vực Văn hóa, thể thao, du lịch				
	Đơn vị A				
	⋮				
1,5	Sự nghiệp kinh tế và nghiệp khác				
	Đơn vị A				
	⋮				
2	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên				
2,1	Lĩnh vực giáo dục đào tạo, nghề nghiệp				
	Đơn vị A				
	⋮				
2,2	Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch				
	Đơn vị A				
	⋮				
2,3	Lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác				
	Đơn vị A				
	⋮				
3	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên				
	Đơn vị A				
	⋮				

STT	Tên gọi tổ chức	Số lượng Lãnh đạo của cơ quan/đơn vị								Biên chế công chức giao năm 2020	Số có mặt đến thời điểm 31/5/2020		
		Cấp Sở/huyện		Chi cục và tương thuộc sở		Phòng chuyên môn thuộc sở/UBND cấp huyện		Phòng chuyên môn thuộc Chi cục			Công chức	Hợp đồng 68	HD làm chuyên môn, nghiệp vụ
		Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó	Cấp trưởng	Cấp phó				
	Phòng A												
	Phòng B												
	Phòng...												
2,2	Đơn vị trực thuộc												
	Lãnh đạo												
	Phòng A												
	Phòng B												
	Phòng...												
II	Cấp huyện												
	Lãnh đạo UBND												
	Lãnh đạo HĐND												
	Văn phòng												
	Thanh tra												
	Phòng A												
	Phòng...												

TÊN ĐƠN VỊ
(Số/ban/ngành;
UBND cấp huyện)

Phụ lục IV
TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC (BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC), HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
VÀ SỐ LƯỢNG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/5/2020

Số TT	Tên đơn vị	Lãnh đạo quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập		Số lượng biên chế được giao năm 2020		Số có mặt đến thời điểm ngày 31/5/2020		
		Cấp trưởng	Cấp phó	Số người làm việc	Hợp đồng 68	Tổng số	Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	HĐLĐ theo ND 68 và ND 161
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số							
1	Đơn vị sự nghiệp công lập do NN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên							
1,1	Lĩnh vực giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp							
	<i>Trường A</i>							
	.							
1,2	Lĩnh vực Khoa học và công nghệ							
	Đơn vị A							
	.							
1,3	Lĩnh vực Y tế							
	Đơn vị A							
	.							
1,4	Lĩnh vực Văn hóa, thể thao, du lịch							
	Đơn vị A							
	.							

Số TT	Tên đơn vị	Lãnh đạo quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập		Số lượng biên chế được giao năm 2020		Số có mặt đến thời điểm ngày 31/5/2020		
		Cấp trưởng	Cấp phó	Số người làm việc	Hợp đồng 68	Tổng số	Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ	HĐLĐ theo ND 68 và ND 161
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1,5	Sự nghiệp kinh tế và nghiệp khác							
	Đơn vị A							
	Đơn vị B							
	⋮							
2	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên							
2,1	Lĩnh vực giáo dục đào tạo							
	Đơn vị A							
	⋮							
2,2	Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch							
	Đơn vị A							
	⋮							
2,3	Lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác							
	Đơn vị A							
	⋮							
3	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên							
	Đơn vị A							
	⋮							